

Bản án số: 19 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1649/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1731/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, Năm sinh: 1987; Thường trú: 120 H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: 4 L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Vũ Đức T, sinh năm: 1982; Thường trú: 120 H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H; Địa chỉ: A T, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn P, sinh năm 1982; Địa chỉ: A T, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L, ông T có mặt, đại diện Ngân hàng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Vũ Đức T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 194, quyển số 01/2014 ngày 31/12/2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc, vợ chồng không còn ở chung từ tháng 11/2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án chấp nhận cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có một con chung là Vũ Hoàng T1, sinh ngày: 02/09/2015. Hiện con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Hai bên có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H. Bà, ông T và Ngân hàng sẽ tự thỏa thuận giải quyết, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung trong vụ án này.

Bị đơn ông Vũ Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà L về quá trình kết hôn và chung sống là đúng.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn. Tháng 11/2023, do công việc thất bại nên ông có nói những lời xúc phạm làm tổn thương bà L nên bà L và con đã bỏ đi thuê nhà ở riêng. Sau khi vợ dọn ra thuê nhà ở thì ông cũng có xin lỗi bà L, lui tới chơi với con. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, bởi vì: Ông vẫn còn tình cảm với bà L, ông muốn sửa chữa lại lỗi lầm trong thời gian trước, vợ chồng cùng nhau lo cho con cái.

- Về con chung: có một con chung là Vũ Hoàng T1, sinh ngày: 02/09/2015. Trong trường hợp Tòa án có chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L thì ông yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thành phố H. Ông, bà L và Ngân hàng sẽ tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H do ông Dương Văn P đại diện trình bày:

Ngân hàng với ông T, bà L có ký kết và thực hiện Hợp đồng cho vay số 01.3020939355/2021/HĐBĐ/NHCT900 ngày 07/12/2021 để vay số tiền gốc là 700.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô hiệu Mazda, biển số đăng ký 51K - 046.69. Hiện nay, ông T, bà L đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ với

Ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa bà L và ông T. Trong trường hợp bà L và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bà L ông T bằng một vụ án khác.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Khi ly hôn, bà L yêu cầu nuôi con chung. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về nợ chung: Các bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Bị đơn ông T đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng nuôi con 9.000.000 đồng/tháng, thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 2/2025 cho đến khi con trưởng thành. Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về nợ chung: Các bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H: Có đơn yêu cầu vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T. Khi ly hôn, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con 9.000.000 đồng/tháng. Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về nợ chung: Các bên tự thỏa thuận giải quyết, tách ra thành vụ án dân sự khi các đương sự có yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 194, quyển số 01/2014 ngày 31/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông T có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà L yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thành phố H:* Ngân hàng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L yêu cầu ly hôn. Ông T đồng ý ly hôn. Xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T.

- *Về quan hệ con chung:* Bà L và ông T có một con chung tên Vũ Hoàng T1, sinh ngày: 02/09/2015. Tại phiên tòa, các bên thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2024 nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 9.000.000 đồng/tháng, thực hiện vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2025. Bà L đồng ý. Xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông T.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Các vấn đề khác:* Bà L, ông T và Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H có ký kết và thực hiện Hợp đồng cho vay số 01.3020939355/2021/HĐBĐ/NHCT900 ngày 07/12/2021. Bà L và ông T đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ với Ngân hàng nên Ngân hàng, bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung khi giải quyết ly hôn, do đó, tách ra thành vụ án dân sự khi đương sự có yêu cầu khởi kiện.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007984 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà L đã nộp đủ án phí.

Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ L và ông Vũ Đức T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 194, quyền số 01/2014 ngày 31/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung tên Vũ Hoàng T1, sinh ngày 02/09/2015 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 9.000.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 mỗi tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2025 và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Địa điểm thi hành: Tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L1), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- *Các vấn đề khác:* Bà L, ông T và Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H tự thỏa thuận giải quyết. Tách ra thành vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu khởi kiện và đủ điều kiện khởi kiện.

2. Về án phí:

Bà L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo Biên lai

thu tiền số 0007984 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.
Bà L đã nộp đủ án phí.

Ông T chịu án phí 300.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Vinh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai